

C Thái KT
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3374/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 989/TTr-STNMT ngày 16/9/2019 và Văn bản số 6922/STNMT-KHTC ngày 09/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 4497/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng và đấu thầu theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường được ban hành tại Điều 1 Quyết định này.



Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
 - Chánh - Phó Văn phòng;
 - Lưu: VT, KTNS
- ThaiTM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng
Nguyễn Quốc Hùng



DANH MỤC

DỊCH VỤ SỬ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Chi chú |
|-----|---|-----------------------|---|
| A | Đối với cấp tỉnh: | | |
| I | Hoạt động thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và quản lý đất đai: | | |
| 1 | Lĩnh vực đo đạc và bản đồ | | |
| 1.1 | Xây dựng, cập nhật siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04/01/2019 của Chính Phủ về hoạt động viễn thám |
| 1.2 | Đo đạc lưới địa chính, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 5 đến Điều 24 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính |
| 1.3 | Thành lập bản đồ hành chính (từ bản đồ hành chính cấp tỉnh) và bản đồ chuyên đề (bản đồ địa hình, bản đồ môi trường,...) và một số loại bản đồ khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 5 đến Điều 33 Thông tư số 47/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thành lập bản đồ hành chính các cấp |
| 1.4 | Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cập nhật bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 đối với phần đất liền, cửa sông thuộc phạm vi quản lý | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 16, Luật đo đạc bản đồ được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2018 |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|---|
| 2 | Lĩnh vực đất đai | | |
| 2.1 | Kiểm đếm, thống kê, lập, thẩm định phương án bồi thường | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất |
| 2.2 | Lập danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hàng năm tỉnh Đồng Nai | Giao nhiệm vụ | |
| 2.3 | Quản lý quỹ đất đã được GPMB, quỹ đất nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá QSDĐ; đất đã thu hồi và thuộc trách nhiệm quản lý của Tổ chức phát triển quỹ đất | Giao nhiệm vụ | |
| 2.4 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên đất đai | Giao nhiệm vụ | |
| 2.5 | Lập và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 8 đến điều 50 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|------|--|-----------------------|---|
| 2.6 | Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 8, Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê và kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất |
| 2.7 | Điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hoá đất | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 4 đến Điều 12 Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều tra, đánh giá đất đai |
| 2.8 | Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 9 đến Điều 27; từ Điều 28 đến Điều 36 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất |
| 2.9 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 9 đến Điều 12 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính |
| 2.10 | Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ | Đặt hàng | |
| 2.11 | Đấu giá quyền sử dụng đất | Đấu thầu | Theo quy định tại Điều 117, 118, 119 Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013 |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------|--|
| 2.12 | Lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 13 đến Điều 32 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; từ Điều 3 đến Điều 5 Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25/4/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 04/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai |
| II | Hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước: | | |
| 1 | Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Chương V, Luật Tài nguyên nước được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012 |
| 2 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên nước | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Điều 71, Luật Tài nguyên nước |
| 3 | Lập nội dung phương án khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra | Giao nhiệm vụ/đầu thầu | Theo quy định tại khoản 4, Điều 5, Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 |
| 4 | Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước; Kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước | Đặt hàng | Theo quy định tại Mục 1, chương II, Luật Tài nguyên nước và Điều 12, Chương II, Luật Tài nguyên nước |
| 5 | Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngừng khai thác nước dưới đất | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 44, chương IV, Luật Tài nguyên nước |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|------------------------|---|
| 6 | Xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với lưu vực sông nội tỉnh | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 12, chương II, Luật Tài nguyên nước và Chương V, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước |
| 7 | Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt | Đặt hàng | Theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước |
| 8 | Đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố ô nhiễm nguồn nước gây ra; phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt | Đấu thầu | Theo quy định tại Điều 27, Chương III, Luật Tài nguyên nước |
| III | Hoạt động thuộc lĩnh vực khoáng sản: | | |
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên khoáng sản | Giao nhiệm vụ | |
| 2 | Xây dựng nội dung phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản | Giao nhiệm vụ/đấu thầu | Theo quy định tại khoản 14, Điều 8, Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 |
| 3 | Thăm dò, đánh giá trữ lượng, lập dự án đầu tư | Đặt hàng | Theo quy định tại Chương VII, Luật Khoáng sản |
| 4 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản | Đấu thầu | Theo quy định tại Mục 2, chương IX, Luật Khoáng sản |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|---|
| IV | Hoạt động thuộc lĩnh vực môi trường: | | |
| 1 | Quan trắc và phân tích dioxin | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Điều 122, 125 Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030 |
| 2 | Ứng phó sự cố môi trường | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Điều 108, 109, 110, 111 và 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |
| 3 | Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 |
| 4 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |
| 5 | Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại điểm đ, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 |
| 6 | Công tác bảo quản kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường | Giao nhiệm vụ | Theo quy định tại Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|--|
| 7 | Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường đất, khí thải, nước mặt, nước dưới đất, trầm tích,... | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 122, 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030 |
| 8 | Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường | Đặt hàng | Theo quy định tại khoản 2, Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường |
| 9 | Lập báo cáo hiện trạng môi trường; chuyên đề về môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược | Đặt hàng | Theo quy định tại khoản 2, Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; điểm c, khoản 1, Điều 16 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |
| 10 | Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xây dựng, cập nhật bộ chỉ thị môi trường | Đấu thầu | Theo quy định tại khoản 3, Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; khoản 3, Điều 132 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường |
| 11 | Điều tra, khảo sát, đánh giá về môi trường; xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm; Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường | Đấu thầu | Theo quy định tại khoản 2, Điều 107; Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|---|
| 12 | Xây dựng nội dung về bảo vệ môi trường | Giao nhiệm vụ/dấu thầu | Theo quy định tại Điều 7, Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 |
| 13 | Các hoạt động liên quan đến bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học: | | |
| a | Quan trắc, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học | Đấu thầu | Theo quy định tại Điều 73, Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008 |
| b | Xây dựng nội dung bảo tồn đa dạng sinh học; Điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học | Đấu thầu | Theo quy định tại Điều 10, Luật số 35/2018/QH14; Điều 14, điều 35, điều 36, điều 50, điều 51, điều 53 và điều 73 Luật Đa dạng sinh học năm 2008 |
| V | Hoạt động thuộc lĩnh vực Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu | | |
| 1 | Quản lý, lưu trữ thông tin và dữ liệu về Khí tượng thủy văn | Đặt hàng | |
| 2 | Xây dựng CSDL về Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 53, Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015 |
| 3 | Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH | Đấu thầu | |
| 4 | Đánh giá tác động và ứng phó với BĐKH; giám nhẹ khí thải nhà kính | Đấu thầu | |
| B | Đối với cấp huyện: | | |
| I | Hoạt động lĩnh vực đất đai: | | |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|--|
| 1 | Lập phương án sử dụng đất đối với các khu đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý | Giao nhiệm vụ | |
| 2 | Thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 8, Điều 14 đến Điều 22 Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất |
| 3 | Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | Đặt hàng | Theo quy định từ Điều 51 đến Điều 69 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |
| 4 | Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính |
| 5 | Kiểm đếm, thống kê, lập, thẩm định phương án bồi thường | Đặt hàng | Theo quy định tại Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất |
| 6 | Do đạc, cắm mốc, chỉnh lý bản đồ địa chính, biên vẽ lập bản đồ địa chính khu đất, lập thủ tục đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai ở địa phương | Đặt hàng | |
| II | Hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước: | | |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|---|
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ tài nguyên nước | Giáo nhiệm vụ | |
| 2 | Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ tài nguyên nước | Đầu tư | |
| III | Hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên khoáng sản: | | |
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ tài nguyên khoáng sản | Giáo nhiệm vụ | |
| 2 | Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ tài nguyên khoáng sản | Đầu tư | |
| IV | Hoạt động thuộc lĩnh vực môi trường: | | |
| 1 | Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường | Giáo nhiệm vụ | Theo quy định tại khoản 2, Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường | Đặt hàng | Theo quy định tại khoản 2, Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |
| 3 | Lập báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất | Đặt hàng | Theo quy định tại khoản 2, Điều 143 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 |

| STT | NỘI DUNG | Phương thức thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|---|
| 4 | Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, y tế công lập, trường học, các cơ sở giam giữ của Nhà nước | Đấu thầu | Theo quy định tại khoản 3, Điều 28 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; khoản 2, Điều 20, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 5 | Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hố trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng | Đấu thầu | Theo quy định tại Điều 81, Chương VIII, Luật bảo vệ Môi trường năm 2014 |
| 6 | Thực hiện các dự án, đề án về bảo vệ môi trường | Đấu thầu | |